Bản chính

CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Formach (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thế Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khoa	Ủy viên
Ông Nguyễn Đăng Văn	Ủy viên
Ông Trần Công Bình	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thư Anh	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Cường - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0100102809 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH
H.THANH TRÌ - TP.HÀ NỘI

Phạm Văn Cường
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787
Website: www.vaco.com.vn

Số: 318/VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Formach

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Formach (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15 tháng 04 năm 2019, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ số dư công nợ phải thu, phải trả, cụ thể như sau:

- *Giá trị các khoản Phải thu khách hàng chưa đối chiếu, xác nhận là 9.397.938.983 VND (chiếm 76% trong tổng số số dư Phải thu: 12.371.457.581 VND), trong đó Công ty đã trích lập dự phòng là 5.991.042.883 VND (số dư tại ngày 31/12/2017 chưa được đối chiếu: 14.866.848.978 VND).*
- *Giá trị các khoản Người mua trả tiền trước chưa đối chiếu, xác nhận là 3.308.182.473 VND (chiếm 88,6% trong tổng số dư Người mua trả tiền trước: 3.734.006.457 VND (số dư tại ngày 31/12/2017 chưa đối chiếu: 3.770.085.033 VND).*
- *Giá trị các khoản Phải thu ngắn hạn khác chưa đối chiếu là 21.557.139.328 VND (chiếm 100% trong tổng số dư Phải thu ngắn hạn khác: 21.557.139.328 VND, trong đó, Công ty đã trích lập dự phòng: 3.771.212.925 VND (số dư tại ngày 31/12/2017 chưa đối chiếu: 6.048.089.121 VND).*
- *Giá trị các khoản Trả trước cho người bán chưa đối chiếu là 8.753.897.466 VND (chiếm 99% trong tổng số dư Trả trước cho người bán: 8.817.652.380 VND), trong đó Công ty đã trích lập dự phòng 3.871.638.580 VND (số dư tại ngày 31/12/2017 chưa được đối chiếu: 8.884.148.990 VND).*
- *Giá trị các khoản Phải trả người bán ngắn hạn chưa đối chiếu là 7.486.838.898 VND (chiếm 98,7% trong tổng số dư Phải trả người bán ngắn hạn: 7.589.044.822 VND), (số dư tại ngày 31/12/2017 chưa được đối chiếu: 7.517.324.375 VND).*
- *Giá trị các khoản Phải trả ngắn hạn khác chưa đối chiếu là 18.219.216.081 VND (chiếm 100% trong tổng số dư Phải trả ngắn hạn khác: 18.219.216.081 VND (Số dư tại ngày 31/12/2017 chưa được đối chiếu là: 4.244.633.476 VND).*
- *Giá trị các khoản Vay và nợ thuê tài chính chưa đối chiếu, xác nhận là 407.000.000 VND (chiếm 40% trong tổng số dư Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn 1.007.000.000 VND), (Số dư tại ngày 31/12/2017 chưa được đối chiếu là: 2.420.202.150 VND).*

Các thủ tục kiểm toán thay thế khác đã được thực hiện, tuy nhiên chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp. Vì vậy, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá tính hiện hữu, chính xác, đầy đủ của các công nợ chưa được đối chiếu trên, và ảnh hưởng của vấn đề trên báo cáo tài chính (nếu có) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chưa trích lập đầy đủ các khoản nợ phải thu khó đòi tồn đọng từ trước năm 2014 với tổng giá trị ước tính là 4.874.037.296 VND (giá trị dự phòng tương ứng tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.624.443.485 VND). Nếu ghi nhận theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì giá trị chỉ tiêu "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước" của Bảng cân đối kế toán sẽ được điều chỉnh giảm cùng số tiền là 4.874.037.296 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.624.443.485 VND).

Theo các điều khoản của Hợp đồng liên danh số 68/HĐLD-2008 ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã ký kết giữa Công ty và Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô ký về việc *"Hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà Trung tâm thương mại - Văn phòng - Căn hộ cao cấp tại ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội"*, Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô cam kết hoàn thành dự án đầu tư đến hết năm 2014 (đã tính thời gian dự phòng). Tại thời điểm kiểm toán chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán phù hợp về tiến trình thực hiện dự án, cũng như các cam kết, và nghĩa vụ lý tài chính liên quan đến hợp đồng liên danh. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được tính đầy đủ của các khoản chi phí/lợi ích tiềm tàng, các nghĩa vụ tài chính liên quan đến tiến độ thực hiện dự án đầu tư, tình trạng thanh toán, cũng như các ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh 19, trong năm 2018, Công ty đang chia cổ tức cho cổ đông với số tiền 1.043.568.000 VND. Tại ngày 31/12/2017, Công ty đang lỗ lũy kế với giá trị là (10.692.634.604) VND, Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 là 29.230.867 VND, không đủ bù đắp số lỗ lũy kế trên. Theo ý kiến của Kiểm toán viên, việc phân phối lợi nhuận như trên là không hợp lý, và không phù hợp với Chế độ Kế toán hiện hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển là 6.600.061.542 VND. Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định giá trị thuần có thể thực hiện được, theo đó chúng không đánh giá được giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) liên quan đến giá trị hàng tồn kho này.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

M.S.D.N: 0102616856 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2018-156-1

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2016-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**40.744.591.903**	**48.344.407.847**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**1.633.105.348**	**1.824.420.789**
1. Tiền	111		1.633.105.348	1.824.420.789
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**29.112.354.901**	**33.156.742.836**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	12.371.457.581	16.040.465.177
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	8.817.652.380	8.884.148.990
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	21.557.139.328	22.068.754.987
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(13.633.894.388)	(13.836.626.318)
III. Hàng tồn kho	**140**	**9**	**9.607.518.215**	**13.302.377.794**
1. Hàng tồn kho	141		11.204.552.664	13.309.615.711
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.597.034.449)	(7.237.917)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**391.613.439**	**60.866.428**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		103.461.172	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	288.152.267	60.866.428
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**24.270.932.103**	**21.931.018.372**
I. Tài sản cố định	**220**		**13.979.185.621**	**13.658.678.434**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	13.979.185.621	13.658.678.434
- Nguyên giá	*222*		*41.189.170.753*	*39.830.958.104*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(27.209.985.132)*	*(26.172.279.670)*
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	*228*		*62.706.000*	*62.706.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(62.706.000)*	*(62.706.000)*
II. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**7.253.160.226**	**7.718.862.044**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	*7.253.160.226*	7.718.862.044
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**2.850.000.000**	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	*2.850.000.000*	-
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**188.586.256**	**553.477.894**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	*188.586.256*	553.477.894
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**65.015.524.006**	**70.275.426.219**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**61.707.899.283**	**65.953.443.164**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**41.267.839.483**	**44.574.957.164**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	7.589.044.822	9.501.495.383
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	3.734.006.457	5.524.588.183
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	9.548.256.130	16.558.425.047
4. Phải trả người lao động	314		814.865.736	797.565.948
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		339.011.069	487.594.460
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	18.219.216.081	6.146.000.089
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	1.007.000.000	5.542.848.866
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.439.188	16.439.188
II. Nợ dài hạn	**330**		**20.440.059.800**	**21.378.486.000**
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	20.440.059.800	20.512.166.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	-	866.320.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**19**	**3.307.624.723**	**4.321.983.055**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**2.925.124.723**	**3.939.483.055**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.044.600.000	13.044.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*13.044.600.000*	*13.044.600.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.587.517.659	1.587.517.659
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.706.992.936)	(10.692.634.604)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(11.736.202.603)*	*(9.607.989.505)*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*29.209.667*	*(1.084.645.099)*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**382.500.000**	**382.500.000**
1. Nguồn kinh phí	431		382.500.000	382.500.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**65.015.524.006**	**70.275.426.219**

M.S.D.N: 0100102809 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH ★ H.THANH TRÌ - TP.HÀ NỘI

Phạm Văn Cường	**Lê Thị Thu Loan**	**Hoàng Thị Thái Thanh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**44.229.466.167**	**53.578.734.695**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	967.625.173
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**21**	**44.229.466.167**	**52.611.109.522**
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	22	40.738.332.090	43.766.560.911
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**3.491.134.077**	**8.844.548.611**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	48.323.187	89.905.974
7. Chi phí tài chính	22	24	624.188.917	454.569.373
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*623.871.941*	*454.569.373*
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2.865.776.875	5.704.695.217
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	**30**		**49.491.472**	**2.775.189.995**
10. Thu nhập khác	31		1.362.574	587.770
11. Chi phí khác	32		1.276.019	523.813
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**86.555**	**63.957**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**49.578.027**	**2.775.253.952**
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	20.368.360	456.724.979
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**29.209.667**	**2.318.528.973**
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	22	1.777

M.S.D.N: 0100102809 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH
H. THANH TRÌ - TP. HÀ NỘI

Phạm Văn Cường	**Lê Thị Thu Loan**	**Hoàng Thị Thái Thanh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	***01***	***49.578.027***	***2.775.253.952***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.037.705.462	944.333.478
- Các khoản dự phòng	03	1.387.064.602	1.614.481.128
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	102.745	-
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(47.931.238)	(89.839.821)
- Chi phí lãi vay	06	623.871.941	454.503.220
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận/ (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***3.050.391.539***	***5.698.731.957***
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	3.916.372.854	(3.407.776.373)
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10	2.105.063.047	(3.010.702.388)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(8.604.892.190)	(1.740.347.291)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	364.891.638	459.489.906
- Tiền lãi vay đã trả	14	(623.871.941)	(382.503.220)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(687.419.184)	(276.390.298)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	745.860.641
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(479.464.237)***	***(1.913.637.066)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(892.510.831)	(2.837.757.894)
2.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.850.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	47.931.238	89.905.974
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(3.694.579.593)***	***(2.747.851.920)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	9.385.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	13.274.839.328	9.408.322.566
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.677.008.194)	(7.473.678.551)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***3.982.831.134***	***1.934.644.015***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(191.212.696)**	**(2.726.844.971)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**1.824.420.789**	**4.551.331.913**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(102.745)	(66.153)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	**1.633.105.348**	**1.824.420.789**

CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH

Phạm Văn Cường	**Lê Thị Thu Loan**	**Hoàng Thị Thái Thanh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2019

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Formach là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 595/QĐ/BNN-TCCB do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ký ngày 23 tháng 02 năm 2001.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102809, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18 tháng 8 năm 2015 Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ là của Công ty là 13.044.600.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 91 người (tại 31 tháng 12 năm 2017 là 91 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế chế tạo các máy chế biến gỗ, máy lâm nghiệp, thiết bị nâng hạ, chuyển tải, các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành lâm nghiệp và các ngành kinh tế khác;
- Sản xuất kết cấu thép, lắp dựng nhà xưởng và thiết bị, sản xuất vật liệu xây dựng, cán kéo thép, lắp ráp ô tô, xe máy;
- Chế biến gỗ và làm các lâm sản khác, dịch vụ xăng dầu, cung cấp vật tư, kỹ thuật, thiết bị phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân;
- Xây lắp thi công các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông nông thôn và lâm nghiệp, các công trình thủy lợi và thủy điện nhỏ, các loại đường bán thấm nhựa;
- Xuất khẩu các sản phẩm nông lâm hải sản, sản phẩm cơ khí và thủ công mỹ nghệ;
- Nhập khẩu: Vật tư máy móc thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất và chế biến lâm nông sản và cơ khí, phương tiện vận tải và hàng tiêu dùng;
- Dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, thể dục thể thao; Kinh doanh văn phòng, kho bãi, xây dựng đường dây tải điện và trạm biến áp có cấp điện áp từ 35kV trở xuống;
- Xây dựng thi công các công trình cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy và điện lạnh;
- Chế tạo phụ tùng xe máy, bảo dưỡng và dịch vụ bán hàng xe máy. Kinh doanh hóa chất dùng trong ngành thực phẩm, mỹ phẩm và các ngành công nghiệp khác (trừ các hóa chất Nhà nước cấm);
- Chế tạo, lắp đặt và chuyển giao công nghệ, thiết bị xử lý và bảo vệ môi trường. Đóng mới các loại thùng xe tải và xe chuyên dùng;
- Lắp đặt các thiết vị nâng hạ trên phương tiện giao thông: Sửa chữa, phục hồi, hoán cải các phương tiện cơ giới đường bộ;
- Và một số ngành nghề đăng ký kinh doanh khác.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kết cấu thép, lắp dựng nhà xưởng và thiết bị, sản xuất vật liệu xây dựng, cán kéo thép;
- Xây lắp thi công các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông nông thôn và lâm nghiệp, các công trình thủy lợi và thủy điện nhỏ, các loại đường bán thấm nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có vấn đề biến động lớn nào được đánh giá là có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ lập báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2018, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 523.226.380 VND. Điều này cho thấy sự mất cân đối về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty, theo đó ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá được việc mất cân đối khả năng thanh toán chủ yếu do khoản Cổ đông ứng trước tiền góp vốn theo nghị quyết tăng vốn. Đồng thời Ban Tổng Giám đốc đã có kế hoạch tăng vốn trong năm tới. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong thời gian tới là hoàn toàn khả thi, Công ty vẫn đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đủ vốn đầu tư để hoàn thành kế hoạch đầu tư trong năm 2019. Vì vậy, báo cáo tài chính này vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp. Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	08 – 15
Thiết bị quản lý	05 – 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 15

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là trang web của công ty được khấu hao trong 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản sửa chữa và một số tài sản nhưng không làm tăng nguyên giá của tài sản; Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	135.205.563	263.043.328
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.497.899.785	1.561.377.461
Cộng	**1.633.105.348**	**1.824.420.789**

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng VICEM Hoàng Thạch	1.602.741.379	1.602.741.379
Công ty CP Công nghiệp E Nhất	1.022.268.795	499.966.675
Công ty CP TMDV Xây dựng Kinh doanh Nhà Tín Nghĩa	707.642.543	707.642.543
Công ty CP Cơ khí và Thiết bị Công nghiệp MIQCOM	667.573.400	205.254.500
Công ty TNHH Mía đường Nghệ An	566.658.400	-
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	444.751.425	444.751.425
Công ty CP Mía đường Sông Con	349.785.000	789.435.000
Công ty CP Mía đường Lam Sơn	115.907.238	736.326.411
Công ty CP Lương Gia	-	1.040.479.258
Công ty CP Kỹ thuật Dầu khí Thái Bình	-	764.747.324
Công ty TNHH MTV Sino Việt Nam	-	533.610.000
Đối tượng khác	6.894.129.401	8.715.510.662
Cộng	**12.371.457.581**	**16.040.465.177**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án gỗ Campuchia	4.669.364.666	4.669.364.666
Công ty Tây Nam - K.LTD (Gỗ Campuchia)	3.639.760.746	3.639.760.746
Công ty GATIRICA	104.369.000	104.369.000
Các đối tượng khác	404.157.968	470.654.578
Cộng	**8.817.652.380**	**8.884.148.990**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Ký cược, ký quỹ	130.440.395	1.780.453.440
- Phải thu Dự án hợp tác kinh doanh 102 Trường Chinh (i)	14.478.164.152	14.148.086.462
- Cổ tức chi vượt phải thu lại	843.621.524	843.621.524
- Tạm ứng	1.391.860.569	1.318.438.780
- Phải thu bảo hiểm xã hội	4.348.903	33.453.802
- Phải thu khác	4.708.703.785	3.944.700.979
Xí nghiệp Thiết bị Nâng (ii)	*737.206.000*	*737.206.000*
Ông Nguyễn Bá Nghĩa (ii)	*635.642.148*	*635.642.148*
Xí nghiệp Xây Lắp (ii)	*548.492.773*	*548.492.773*
Ông Tống Sơn Hà (iii)	*203.919.906*	*203.919.906*
Phải thu khác (iv)	*2.583.442.958*	*1.819.440.152*
Cộng	**21.557.139.328**	**22.068.754.987**

Ghi chú:

(i) Khoản phải thu Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô theo Hợp đồng liên danh số 68/HĐLD-2008 ngày 24 tháng 10 năm 2008 về việc hợp tác đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại - Văn phòng - Căn hộ cao cấp tại ngõ 102 đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

(ii) Các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán, không có khả năng thu hồi và đã được trích lập dự phòng 100% giá trị.

(iii) Khoản công nợ phải thu khác với ông Tống Sơn Hà đã quá hạn thanh toán, không có khả năng thu hồi, mới được trích lập dự phòng với số dự phòng là 3.919.906 VND.

(iv) Một số khoản phải thu khác đã quá hạn thanh toán và không có khả năng thu hồi đã được Công ty trích lập dự phòng, tổng số dự phòng đã được trích lập là 1.864.010.949 VND.

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Tây Nam-K.LTD	3.639.760.746	-	3.639.760.746	-
Ông Nguyễn Bá Nghĩa	635.642.148	-	635.642.148	-
Bộ NN & PTNT	444.751.425	-	444.751.425	-
Nhà máy đường Nông Cống	172.443.000	-	172.443.000	-
Công ty TNHH Thành Công	217.816.821	-	217.816.821	-
Công ty Lắp máy Xây dựng Số 3	286.089.881	-	286.089.881	-
Công ty CPTM Tín Nghĩa	707.642.543	-	707.642.543	-
Công ty KDPT Nhà Hà Nội	206.957.191	-	206.957.191	-
Các đối tượng khác	7.322.790.633	-	7.525.522.563	-
	13.633.894.388	-	**13.836.626.318**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu (i)	1.540.999.489	-	1.588.144.407	-
Công cụ, dụng cụ (i)	8.930.476	-	8.930.476	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (ii)	9.150.798.214	(1.597.034.449)	11.208.716.343	(7.237.917)
Thành phẩm (i)	503.824.485	-	503.824.485	-
Cộng	**11.204.552.664**	**(1.597.034.449)**	**13.309.615.711**	**(7.237.917)**

Ghi chú:

(i) Tại ngày 31/12/2018, tổng giá trị hàng tồn kho (nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và thành phẩm) tồn đọng chậm luân chuyển là 2.001.565.9 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định vẫn còn sử dụng được các mặt hàng tồn kho này và quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Tại ngày 31/12/2018, tổng giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tồn đọng, chậm triển khai là 6.159.052.967 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá trị chi phí sản xuất dở dang không thể triển khai, không thu hồi được và đã trích lập dự phòng là 1.597.034.449 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định vẫn tiếp tục triển khai các dự án và quyết định không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các dự án tồn đọng với tổng giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tồn đọng tại ngày 31/12/2018 là 4.598.495.621 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	**19.688.850.837**	**14.025.660.474**	**3.971.007.147**	**376.069.610**	**1.769.370.036**	**39.830.958.104**
Mua trong năm	-	45.000.000	75.780.000	-	-	120.780.000
XDCB bàn giao	929.123.780	272.187.949	-	-	36.120.920	1.237.432.649
Số dư cuối năm	**20.617.974.617**	**14.342.848.423**	**4.046.787.147**	**376.069.610**	**1.805.490.956**	**41.189.170.753**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Số dư đầu năm	**12.691.187.512**	**11.016.990.857**	**1.988.978.057**	**364.955.360**	**110.167.884**	**26.172.279.670**
Khấu hao trong năm	595.502.490	262.398.168	174.247.679	5.557.125	-	1.037.705.462
Số dư cuối năm	**13.286.690.002**	**11.279.389.025**	**2.163.225.736**	**370.512.485**	**110.167.884**	**27.209.985.132**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	**6.997.663.325**	**3.008.669.617**	**1.982.029.090**	**11.114.250**	**1.659.202.152**	**13.658.678.434**
Số dư cuối năm	**7.331.284.615**	**3.063.459.398**	**1.883.561.411**	**5.557.125**	**1.695.323.072**	**13.979.185.621**

Ghi chú:

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 19.889.728.270 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 19.272.834.624 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án 102 đường Trường Chinh (i)	7.253.160.226	7.253.160.226
Dự án khác	-	465.701.818
Cộng	**7.253.160.226**	**7.718.862.044**

Ghi chú:

(i) Chi phí xây dựng cơ bản là chi phí xây dựng tài sản tại Dự án 102 Trường Chinh. Dự án đã đem đi góp vốn theo Hợp đồng liên danh số 68/HĐLD-2008 ngày 24 tháng 10 năm 2008.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (i)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con						
Công ty CP Cơ khí Chế tạo 19-3	2.850.000.000	-		-	-	
Cộng	**2.850.000.000**	-		-	-	

Ghi chú:

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa xác định được do chưa đủ các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
	%	%	%	%
Chi tiết khoản đầu tư vào Công ty con				
Công ty CP Cơ khí Chế tạo 19-3	95%	95%	-	-

Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo 19-3 được thành lập theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 16/HĐQT-III/NQ ngày 12/09/2018, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108438279 ngày 19/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kết cấu thép, lắp dựng nhà xưởng và thiết bị, sản xuất vật liệu xây dựng, cán kéo thép.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng (trên 12 tháng)	-	67.677.500
Các khoản chi phí khác	188.586.256	485.800.394
Cộng	**188.586.256**	**553.477.894**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Mỏ đá và VLXD	1.602.741.381	1.602.741.381	1.602.741.381	1.602.741.381
Công ty TNHH SX DV và TM Thịnh Linh	700.852.330	700.852.330	757.885.700	757.885.700
Công ty CP TM Hải Anh	563.249.580	563.249.580	563.249.580	563.249.580
Công ty XNK & Đầu tư Xây dựng Hà Nội	496.319.797	496.319.797	496.319.797	496.319.797
Công ty TNHH MHE-DEMAG Việt Nam	425.823.984	425.823.984	-	-
Công ty CP Nồi hơi Việt nam	274.958.000	274.958.000	274.958.000	274.958.000
Công ty TNHH SXKD và XNK Nguyễn Vinh	205.721.100	205.721.100	21.597.620	21.597.620
Phải trả cho các đối tượng khác	3.319.378.650	3.319.378.650	5.784.743.305	5.784.743.305
Cộng	**7.589.044.822**	**7.589.044.822**	**9.501.495.383**	**9.501.495.383**

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Trung Thành	550.000.000	550.000.000
Công ty TNHH TMXD & Vận tải Duy Mạnh	328.098.198	328.098.198
Công ty TNHH SX và TM TBCN Việt Nhật	242.320.000	242.320.000
Công ty CP Việt Nam ATZ	222.605.000	222.605.000
Công ty CP Đầu tư XDTM DV Tổng hợp Thanh Bình	431.728.000	431.728.000
Ông Đinh Văn Thảo	415.675.958	439.094.022
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	1.108.000.000
Các đối tượng khác	1.543.579.301	2.202.742.963
Cộng	**3.734.006.457**	**5.524.588.183**

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	186.558.137	40.450.261	220.691.022	6.317.376
Thuế thu nhập doanh nghiệp	890.558.514	20.368.360	687.419.184	223.507.690
Thuế thu nhập cá nhân	57.296.289	48.659.246	63.796.289	42.159.246
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	8.695.050.143	6.312.581.981	11.967.101.355	3.040.530.769
Các loại thuế khác	6.728.961.964	818.119.840	1.311.340.755	6.235.741.049
Cộng	**16.558.425.047**	**7.240.179.688**	**14.250.348.605**	**9.548.256.130**
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	60.866.428	2.790.949.611	2.563.663.772	288.152.267
Cộng	**60.866.428**	**2.790.949.611**	**2.563.663.772**	**288.152.267**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***18.219.216.081***	***6.146.000.089***
Kinh phí công đoàn	404.690.929	362.674.026
Bảo hiểm xã hội	-	3.725.665
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.216.973.917	173.405.917
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.597.551.235	5.606.194.481
- Phát hành CP tăng vốn điều lệ (i)	*9.385.000.000*	-
- Công ty CP Tổng hợp Bắc Hà (ii)	*2.520.260.000*	*2.520.260.000*
- Công ty CP Cơ khí Chế tạo 19-3	*1.939.000.000*	-
- Đối tượng khác	*2.753.291.235*	*3.085.934.481*
b) Dài hạn	***20.440.059.800***	***20.512.166.000***
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	440.059.800	512.166.000
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô (iii)	20.000.000.000	20.000.000.000

Ghi chú:

(i) Theo Nghị quyết số 39/HĐQT-III/NQ ngày 4/12/2018 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty: Công ty thực hiện phát hành thêm 1.304.460 cổ phiếu, giá trị theo mệnh giá là 13.044.600.000 VND, vốn điều lệ sau khi tăng vốn là 26.089.200.000 VND. Thời gian chào bán cổ phiếu là từ ngày 4/12/2018 - 19/12/2018. Theo Công văn số 1321/TCT-PC&KSNB ngày 27/12/2018 về việc hoãn thời gian tăng vốn điều lệ khi Tổng Công ty Lâm Nghiệp nhận được ý kiến trả lời của Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước tại Tổng Công ty và theo Nghị quyết của đại hội cổ đông bất thường lần 1 năm 2019 Công ty CP Formach số 06/2019/ĐHCĐBT/NQ ngày 28/1/2019 về việc kéo dài thời gian đăng ký mua cổ phần tăng vốn điều lệ đến ngày 31/03/2019. Khoản tiền đã nhận từ các cổ đông nộp tiền mua cổ phiếu được theo dõi trên tài khoản phải trả khác.

(ii) Phải trả tiền góp vốn vào Dự án Campuchia. Hiện tại dự án đã dừng hoạt động.

(iii) Khoản tiền Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô chuyển cho Công ty theo Hợp đồng liên danh số 68/HĐLD-2008 ngày 24 tháng 10 năm 2008.

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	***5.542.848.866***	***5.542.848.866***	***13.274.839.328***	***17.810.688.194***	***1.007.000.000***	***1.007.000.000***
Vay các tổ chức tín dụng	**4.525.848.866**	**4.525.848.866**	**5.274.839.328**	**9.800.688.194**	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam - CN Mỹ Đình (i)	3.122.646.716	3.122.646.716	3.822.822.338	6.945.469.054	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (ii)	1.403.202.150	1.403.202.150	1.452.016.990	2.855.219.140	-	-
Vay cá nhân (iii)	**610.000.000**	**610.000.000**	**8.000.000.000**	**8.010.000.000**	**600.000.000**	**600.000.000**
Ông Hoàng Đức Long	10.000.000	10.000.000	-	10.000.000	-	-
Ông Phạm Văn Cường	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Ông Nguyễn thị Nhàn	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
Ông Đỗ Văn Mạnh	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Vay ngắn hạn đối tượng khác	**407.000.000**	**407.000.000**	-	-	**407.000.000**	**407.000.000**
Vay dài hạn	***866.320.000***	-	-	***866.320.000***	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	866.320.000	-	-	866.320.000	-	-

Ghi chú:

(i) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1410-LAV-2016 ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Mỹ Đình. Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 5.000.000.000 VND, thời hạn hiệu lực của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay vốn để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất được thoả thuận và quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tương ứng với từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là các máy móc thiết bị của Công ty tại thị trấn Văn Điển, Thanh Trì theo Hợp đồng thế chấp số 1410-LCL-201500414.

(ii) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 7696.17.081.33093.TD ngày 19 tháng 04 năm 2017 của Ngân hàng Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ. Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 13.000.000.000 VND, hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 03 năm 2018, mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất gia công lắp ráp cơ khí của khách hàng, lãi suất được thoả thuận và quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tương ứng với từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi số 05.16.081.33093.TG số tiền 1,5 tỷ VND.

(iii) Vay cá nhân là khoản vay các cá nhân trong Công ty theo các hợp đồng vay vốn cá nhân. Thời hạn của các hợp đồng này là 31 tháng 12 năm 2017, mục đích vay vốn là phục vụ cho các khoản chi của Formach, lãi suất từ 1%/tháng đến 1,5%./tháng Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(iv) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng số 102439.17.081.33093.TD ngày 28 tháng 04 năm 2017 của Ngân hàng Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ. Số tiền vay là 1.113.840.000 VND. Mục đích sử dụng để mua xe ô tô theo Hợp đồng mua bán số 39/HĐMB-HLB/2017 ngày 20 tháng 04 năm 2017 giữa Công ty với Công ty CP Ô tô Thành An. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 9,7%/năm. Tài sản đảm bảo là xe ô tô con nhãn hiệu HUYNDAI BKS: 30E-433.04.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn kinh phí	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**13.044.600.000**	**1.587.517.659**	**(13.757.024.218)**	**382.500.000**	**1.257.593.441**
Lãi trong năm	-	-	2.318.528.973	-	2.318.528.973
Tăng khác	-	-	745.860.641		745.860.641
Số dư đầu năm nay	**13.044.600.000**	**1.587.517.659**	**(10.692.634.604)**	**382.500.000**	**4.321.983.055**
Lãi trong năm	-	-	29.209.667	-	29.209.667
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(1.043.568.000)	-	(1.043.568.000)
Số dư cuối năm nay	**13.044.600.000**	**1.587.517.659**	**(11.706.992.936)**	**382.500.000**	**3.307.624.723**

Ghi chú:

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo nghị quyết của đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 36/ĐHĐCĐTN-2017/NĐ ngày 30/10/2018. Chia cổ tức từ lợi nhuận của năm 2017, tỷ lệ cổ tức 8% trên vốn điều lệ.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Lâm Nghiệp	3.624.100.000	27,78%	3.624.100.000	27,78%
Đối tượng khác	9.420.500.000	72,22%	9.420.500.000	72,22%
Cộng	**13.044.600.000**	**100%**	**13.044.600.000**	**100%**

Theo Nghị quyết số 39/HDDQT-III/NQ ngày 4/12/2018 của hội đồng quản trị, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ của Công ty thông qua việc phát hành tăng thêm 1.304.460 cổ phiếu, tổng giá trị tăng thêm là 13.044.600.000 VND, vốn điều lệ sau khi tăng là 26.089.200.000 VND. Đối tượng phát hành cổ phiếu là cổ đông hiện hữu của Công ty. Thời gian chào bán là từ ngày 04/12/2018 đến ngày 19/12/2018. Tại thời điểm ngày 31/12/2018, số tiền cổ đông đã chuyển đến ngày 31/12/2018 là 9.385.000.000 VND. Đồng thời theo nghị quyết của đại hội cổ đông bất thường lần 1 năm 2019 Công ty CP Formach số 06/2019/ ĐHCĐBT/NQ ngày 28/1/2019, Công ty thực hiện kéo dài thời gian tăng vốn điều lệ đến ngày 31/03/2019.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	711,16	730,96
- EUR	343,99	354,91

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	25.037.401.176	30.889.609.249
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.192.064.991	22.689.125.446
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**44.229.466.167**	**53.578.734.695**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**-**	**967.625.173**
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán;	-	*967.625.173*
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**44.229.466.167**	**52.611.109.522**

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	39.148.535.558	43.766.560.911
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.589.796.532	-
Cộng	**40.738.332.090**	**43.766.560.911**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.931.238	89.905.974
Lãi chênh lệch tỷ giá	391.949	-
Cộng	**48.323.187**	**89.905.974**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	623.871.941	454.569.373
Chênh lệch tỷ giá	316.976	-
Cộng	**624.188.917**	**454.569.373**

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.799.263.343	2.390.935.667
Chi phí đồ dùng văn phòng	56.636.493	67.823.451
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	90.715.088
Thuế, phí và lệ phí	73.654.923	49.162.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.788.652	372.181.912
Chi phí dự phòng	-	2.132.174.934
Hoàn nhập dự phòng	(202.731.930)	-
Các khoản chi phí QLDN khác	974.165.394	601.701.434
Cộng	**2.865.776.875**	**5.704.695.217**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.555.736.869	17.878.021.711
Chi phí nhân công	11.288.929.350	9.363.395.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.037.705.462	944.333.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.463.508.126	21.417.600.859
Chi phí dự phòng	1.387.064.602	1.614.481.128
Chi phí khác bằng tiền	1.813.246.427	1.501.146.336
Cộng	**41.546.190.836**	**52.718.978.936**

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	**49.578.027**	**2.775.253.952**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**52.263.771**	**-**
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	**52.263.771**	**-**
Thu nhập chịu thuế	**101.841.798**	**2.775.253.952**
Lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh được chuyển trong năm	**-**	**(491.629.058)**
Thu nhập tính thuế TNDN	**101.841.798**	**2.283.624.894**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**20.368.360**	**456.724.979**

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.209.667	2.318.528.973
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	29.209.667	2.318.528.973
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	1.304.460	1.304.460
	22	**1.777**

29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty có phát sinh giao dịch, số dư trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo 19-3	Công ty con
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Ban Lãnh đạo
Tổng Công ty Lâm Nghiệp	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Đầu tư góp vốn		
Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo 19-3	2.850.000.000	-

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	814.865.736	797.565.948

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Theo Nghị quyết của đại hội cổ đông bất thường lần 1 năm 2019 Công ty CP Formach số 06/2019/ ĐHCĐBT/NQ ngày 28/1/2019, Công ty thực hiện kéo dài thời gian tăng vốn điều lệ đến ngày 31/03/2019. Đến thời điểm ngày 31/03/2019, các Cổ đông vẫn chưa đăng ký mua cổ phần xong.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

M.S.D.N: 0100102809 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN FORMACH
H.THANH TRÌ - TP.HÀ NỘI

Phạm Văn Cường	**Lê Thị Thu Loan**	**Hoàng Thị Thái Thanh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2019